TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST Ngày 21 tháng 12 năm 2023 V/v xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản T T B, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Mùa A N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản S T, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị P trình bày như sau:

Chị và anh Mùa A N kết hôn với nhau từ năm 2015, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 16/05/2015, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N hay uốn

rượi, không chăm chỉ làm ăn, mải chơi, vợ chồng thường xuyên sảy ra xô sát cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải khuyên bảo cho hai vợ chồng nhưng không thành. Đến tháng 7/2022 anh chị đã sống ly thân, chị P chuyển về bên ngoại ở bản Tong Tải B, xã Nà Bó sinh sống, thời gian ly thân vợ chồng cũng không quan tâm hỏi han gì nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Mùa Thị Dương Ngọc, sinh ngày 27/12/2011 và cháu Mùa Bích Trâm, sinh ngày 17/10/2013. Hiện tại cháu Mùa Thị Dương Ngọc đang ở cùng bố và ông bà nội cháu Mùa Bích Trâm ở cùng chị và ông bà ngoại. Nếu ly hôn chị mong muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm, anh N nuôi dưỡng cháu Ngọc và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N cháu Ngọc và chị nuôi dưỡng cháu Trâm theo như thỏa thuận trước khi nộp đơn ly hôn.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Cháu Mùa THị Dương Ngọc, sinh ngày 27/12/2011 có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Cháu Mùa Bích Trâm, sinh ngày 17/10/2013 có nguyện vọng ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Mùa A N về địa chỉ bản Sơn Tra, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, anh N không có mặt tại Tòa án làm việc và không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc chị Vàng Thị P xin ly hôn với anh. Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Mùa A N đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị P và anh N. Đồng thời, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vàng Thị P và anh Mùa A N. Về con chung, giao cháu Mùa Thị Dương Ngọc, sinh ngày 27/12/2011 cho anh Mùa A N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Mùa Bích Trâm, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Vàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Vàng Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Mùa A N có địa chỉ tại: Bản Sơn Tra, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị P xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua anh trai ruột ở cùng nhà của anh N nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Mùa A N và chị Vàng Thị P.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vàng Thị P và anh Mùa A N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, anh chị đã được UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/05/2015 . Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian là 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị P, mâu thuẫn là do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con hay đi chơi, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đến tháng 7/2022 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản Tong Tải B, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn sinh sống đến nay. Qua xác minh tại Ban quản lý bản Sơn Tra nơi vợ chồng chị P anh N chung sống xác định: Chị P anh N sau khi kết hôn chung sống với bố

mẹ chồng tại bản Sơn Tra. Năm 2020 chị P và anh N cùng đi làm công ty ở dưới suôi nhưng anh N không chịu khó làm, hay đi chơi vợ chồng sảy ra mâu thuẫn và cả hai lại về bản nhưng được mấy hôm chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản Tong Tải B sinh sống. Đại diện gia đình anh N khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn và chị P đã chuyển về nhà ngoại sống được 02 năm. Việc chị P xin ly hôn anh N có biết việc Tòa án triệu tập anh về làm việc tại Tòa nhưng không về. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh N đã biết chị P xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị P cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vàng Thị P, xử cho chị P được ly hôn với anh Mùa N. Trong qua trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh N đến tòa án để làm việc và hòa giải nhiều lần nhung anh N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy vụ án không thể hòa giải được theo quy định tại Điều 207 bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về con chung: Các tài liệu chị P cung cấp và xác định của gia đình anh N khẳng định trong thời gian hôn nhân, chị P và anh N có 02 con chung là Mùa Thị Dương Ngọc, sinh ngày 27/12/2011 và cháu Mùa Bích Trâm, sinh ngày 17/10/2013. Trong thời gian ly thân, cháu Ngọc sống cùng anh N và ông bà nội. Cháu Trâm sống cùng chị P và ông bà ngoại. Nội dung này được đại diện ban quản lý bản và đại diện gia đình anh N khẳng định. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P đề nghị Tòa án giao cháu Ngọc cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù anh N không có mặt tại Tòa án thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và chứng minh khả năng nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân cháu Ngọc đã ở cùng bốp là anh N và ông bà nội, chị P giao lại quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc cho anh N. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 02 tháng 11 năm 2023 cháu Ngọc Cũng có nguyện vọng được ở cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn, cháu Mùa Bích Trâm có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Mùa Thị Dương Ngọc, sinh ngày 27/12/2011cho anh Mùa A N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Mùa Bích Trâm, sinh ngày 17/10/2013 cho chị Vàng Thị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc chị P và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Qua xác minh cũng xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khẳng định anh chị không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vấn đền này. Qua xác minh cũng đã xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị P xin miễn án phí dân sự về việc xin ly hôn do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị P. Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vàng Thị P và anh Mùa A N.

2. Về con chung: Giao cháu Mùa Thị Dương Ngọc, sinh ngày 27/12/2011 cho anh Mùa A N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Giao cháu Mùa Bích Trâm, sinh ngày 17/10/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) Ghi nhận việc chị P anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị P, anh N được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở chị P, anh N được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Vàng Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự ;
- UBND xã Chiềng Chăn ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**